

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *19* /2021/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày *15* tháng *7* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KT(Lực, Lam).

126 B

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Wua*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

QUY ĐỊNH

Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, bao gồm: Chuyển mục đích sử dụng đất mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định của pháp luật; lấn, chiếm đất; hủy hoại đất; gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác.

Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là loại đất được xác định theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 hoặc hiện trạng của đất trước khi vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về đất đai hoặc bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định từ Điều 9 đến Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chương II
MỨC ĐỘ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT ĐỐI
VỚI TỪNG LOẠI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Điều 3. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Cá nhân vi phạm hành chính được giữ nguyên hiện trạng của đất như tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng đất trồng lúa; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất; đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (sau đây gọi chung là chuyển mục đích sử dụng đất trái phép) khi vị trí, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trái phép phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức vi phạm hành chính được giữ nguyên hiện trạng của đất như tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trái phép khi có một trong những điều kiện sau:

a) Vị trí, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trái phép phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Vị trí, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trái phép được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho tổ chức đó thực hiện dự án đầu tư.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cá nhân vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều này, tổ chức vi phạm hành chính theo điểm a khoản 2 Điều này phải lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật; tổ chức vi phạm hành chính theo điểm b khoản 2 Điều này phải lập thủ tục đầu tư.

4. Buộc tổ chức, cá nhân khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trong các trường hợp sau:

a) Vị trí, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trái phép không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm không lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, thủ tục đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Tổ chức, cá nhân lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, thủ tục đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi vi phạm điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; lấn, chiếm đất; hủy hoại đất; gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính được giữ nguyên hiện trạng của đất như tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng mà diện tích lấn, chiếm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều này phải lập thủ tục hành chính về đất đai theo quy định pháp luật.

3. Buộc tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trong các trường hợp sau:

a) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

b) Lấn, chiếm đất chưa sử dụng mà vị trí lấn, chiếm không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tổ chức, cá nhân vi phạm không lập thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm lập thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;

d) Lấn, chiếm đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà không được tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó cho phép;

đ) Làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất trồng lúa;

e) Đưa vào trong đất các chất độc hại hoặc vi sinh vật, ký sinh trùng có hại cho cây trồng, vật nuôi, con người;

g) Đưa vật liệu xây dựng, chất thải, chất độc hại hoặc các vật khác lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình mà gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác; đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác.



Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

MIEN